

Bản án số: 17/2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 15 - 3 - 2023

V/v ly hôn giữa ông C và bà N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Kim Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Viết C, sinh năm 1961; Nơi ĐKNKTT: khối L, phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; Nơi ĐKNKTT: khối 7, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Hồ Viết C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị N đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Hai bên tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2011 tại UBND phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bà Trần Thị N ở khối 7, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An từ năm 2012 cho đến năm 2013. Sau đó do mâu thuẫn nên vợ chồng ông chuyển ra ở trọ tại khối 15, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cho đến cuối năm 2015 thì vợ chồng ông chuyển về sinh sống tại nhà ông ở khối L, phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Bà N thường xuyên bỏ về nhà riêng ở. Vào năm 2016, bà N đã từng làm đơn lên Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó vì nghĩ đến con nên hai bên cố gắng hàn gắn. Sau khi về chung

sống với nhau mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục xảy ra ngày càng căng thẳng. Đến tháng 6 năm 2021, bà N lại bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không có trách nhiệm với nhau. Nay ông thấy tình cảm không còn, không thể sống chung được nữa nên ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, ông và bà N có 01 con chung tên là Hồ Thị M, sinh ngày 26/6/2013. Từ khi sống ly thân, thì con chung sống cùng với bà N. Nay ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Ông không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung như yêu cầu của bà N. Hiện tại ông lao động tự do, nghề nghiệp không ổn định, thu nhập thấp, mặc dù ông còn được hưởng thêm chế độ lương hưu nhưng vẫn không đủ chi tiêu cho sinh hoạt hàng ngày nên ông chỉ đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà N mỗi tháng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng xây dựng được 01 ngôi nhà hai tầng với diện tích sử dụng là 258m² tọa lạc trên thửa đất số 246, tờ bản đồ 24 tại khối V (Nay là khối L), phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Ngôi nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Nguồn gốc số tiền xây nhà chủ yếu do ông bán thửa đất là tài sản riêng của ông có trước thời kỳ hôn nhân ở tỉnh Đắk Nông, bà N chỉ đóng góp số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để xây nhà. Nay bà N yêu cầu ông C phải hoàn trả lại cho bà số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) mà bà đóng góp đưa cho ông khi xây nhà thì ông không đồng ý.

Vào năm 2017, bà N từng làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn, trong quá trình Tòa án giải quyết thì Tòa án có thành lập Hội đồng định giá tài sản để định giá ngôi nhà trên. Theo biên bản định giá ngày 16/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản thì ngôi nhà hai tầng trên có tổng trị giá là 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng). Tại thời điểm đó ngôi nhà mới được xây thô, da trát xi măng, lát gạch nền nhà mà chưa quét vôi hay sơn tường gì. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân thì ông C có ốp thêm gạch tường nhà phòng khách. Số tiền ốp tường gạch này do ông C bỏ ra, bà N không đóng góp gì. Nay ly hôn, ông yêu cầu Tòa án chia tài sản là ngôi nhà hai tầng trên theo trị giá tài sản đã được định giá trước đó là 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng) mà không tiến hành định giá lại.

Vào ngày 14/6/2017, tại Văn phòng thừa phát lại thành phố Vinh, giữa ông và bà N có lập Vi bằng số 19/2017/VB-TPLTPV thỏa thuận về nội dung chia tài sản đối với ngôi nhà hai tầng đã nêu ở trên. Theo nội dung thỏa thuận, trong trường hợp ông làm đơn giải quyết ly hôn thì ông phải trích chia 1/3 giá trị tài sản cho bà N. Nay ly hôn, ông có nguyện vọng được sở hữu, sử dụng, định đoạt ngôi nhà hai tầng, tương đương 2/3 trị giá tài sản là 251.034.000 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Ông đồng ý trích

chia 1/3 trị giá tài sản ngôi nhà hai tầng, tương đương số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng) cho bà N.

Đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 246, tờ bản đồ 24, diện tích 129,4m² tại khối V (Nay là khối L), phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, có nguồn gốc là do bố mẹ ông để lại. Đến năm 2015, vợ chồng anh trai ông là ông Hồ Viết H và bà Phạm Thị N đã đồng ý tách thửa phần diện tích đất 129,4m² cho ông C. Đất đã được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX417946 ngày 10/9/2015 mang tên ông Hồ Viết C. Đây là tài sản riêng của ông C. Bà N đã làm văn bản thừa nhận tài sản riêng của ông C nên bà N không có quyền sử dụng đối với thửa đất này. Do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của ông C về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng sự thật. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến năm 2016, vợ chồng bà đã sống ly thân. Đến năm 2017, bà có làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó vì con cái nên bà đồng ý quay về chung sống với ông C. Sau khi quay về chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì lại phát sinh mâu thuẫn, cho đến năm 2021 vợ chồng bà lại tiếp tục sống ly thân từ đó cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Từ khi bà và ông C sống ly thân, bà và con gái đã chuyển về sinh sống tại nhà riêng của bà ở khối 7, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cho đến nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể sống chung với nhau được nữa nên ông C làm đơn xin ly hôn bà thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà và ông C có 01 con chung là Hồ Thị M, sinh ngày 26/6/2013. Mỗi lần vợ chồng sống ly thân thì con chung đều ở với bà. Nay ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Từ khi sống ly thân, ông C không có trách nhiệm gì với con chung. Hiện tại, bà là lao động tự do buôn bán hoa quả tại chợ Cửa Bắc, thu nhập không ổn định nên bà yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vào năm 2015, bà và ông C có xây dựng được một ngôi nhà hai tầng tọa lạc trên thửa đất số 246, tờ bản đồ số 24 tại khối V (nay là khối L), phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Quá trình xây dựng bà đã đóng góp số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) đưa cho ông C xây nhà. Tại thời điểm đó ngôi nhà mới được xây thô, da trát xi măng, lát gạch nền nhà mà chưa quét vôi hay sơn tường gì. Nay bà đồng ý thống nhất trị giá ngôi nhà là 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng) như ông C trình bày để làm căn cứ chia tài sản mà không yêu cầu Tòa án định giá. Trong quá trình vợ chồng sống ly thân, ông C có

ốp tường gạch phòng khách. Số tiền ốp tường gạch này do ông C bỏ ra bà không đóng góp gì.

Nay ly hôn bà đồng ý thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận tại Vi bằng số 19/2017/VB-TPLTPV ngày 14/6/2017. Bà đồng ý giao ngôi nhà trên cho ông C sở hữu, sử dụng, định đoạt. Bà có nguyện vọng được hưởng 1/3 trị giá tài sản chung của ngôi nhà tương đương 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng). Bà yêu cầu ông C phải trích chia trị giá tài sản số tiền trên cho bà.

Đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 246, tờ bản đồ 24, diện tích 129,4m² tại khối V (Nay là khối L), phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đất đã được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX417946 ngày 10/9/2015 mang tên ông Hồ Viết C. Bà N đã làm văn bản thừa nhận tài sản riêng của ông C. Đây là tài sản riêng của ông C nên bà không tranh chấp gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu ông C phải hoàn trả lại cho bà số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) mà bà đóng góp đưa cho ông C khi xây nhà. Tại phiên tòa hôm nay bà xin rút yêu cầu này mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng vào Điều 33, 56, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

1. Về quan hệ Hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Hồ Viết C và bà Nguyễn Thị N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Hồ Thị M, sinh ngày 26/6/2013 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Ông Hồ Viết C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông C có quyền thăm nom con chung. Bà N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Giao cho ông Hồ Viết C được sở hữu, sử dụng, định đoạt ngôi nhà 02 tầng tọa lạc trên thửa đất số 246, tờ bản đồ số 24 tại khối V (nay là khối L), phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có trị giá 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng) .

Ông Hồ Viết C có nghĩa vụ trích chia 1/3 trị giá tài sản ngôi nhà cho bà Nguyễn Thị N với số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị N được quyền nhận số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng) do ông C trích chia.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Hồ Viết C phải trả lại cho bà số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) bà đã đóng góp đưa cho ông C xây nhà.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung cho ông Hồ Viết C. Buộc bà N phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Hồ Viết C khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Thị N có ĐKNKTT và nơi ở tại khối 7, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Viết C kết hôn với bà Nguyễn Thị N trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 18 tháng 5 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà N là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa ông C và bà N thấy rằng: Trong quá trình chung sống ông C, bà N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông C và bà N đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa ông Cường, bà N trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Viết C là phù hợp pháp luật và bà Nguyễn Thị N cũng đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Hồ Viết C được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, ông C, bà N có 01 con chung tên là Hồ Thị M, sinh ngày 26/6/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành và ông C cũng đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Xét về độ tuổi và giới tính thì cháu Hồ Thị Minh Anh là con gái, đang còn nhỏ tuổi nên cần ở với mẹ sẽ phù hợp về độ tuổi phát triển tâm sinh lý của cháu hơn. Do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên và giao con chung Hồ Thị Minh Anh cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N yêu cầu ông C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà N mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Ông C chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Xét hiện nay, theo nền kinh tế thị trường thì với mức 300.000 đồng/tháng sẽ không đảm bảo được nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mặc dù ông C có thu nhập không ổn định nhưng ngoài mức thu nhập có được từ lao động tự do thì ông C còn được hưởng lương hưu trí hàng tháng. Do đó cần căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên cần buộc ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 03/2023.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông C, bà N đều thống nhất quá trình chung sống ông, bà có xây dựng được một ngôi nhà hai tầng với diện tích sử dụng 258m² tọa lạc trên thửa đất số 246, tờ bản đồ số 24 tại khối V (nay là khối L), phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Ông C, bà N đều đồng ý thống nhất trị giá ngôi nhà hai tầng là 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng) mà không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá tài sản. Ông, bà thống nhất chia tài sản chung theo Vi bằng số 19/2017/VB - TPLTPV ngày 14/6/2017 được lập tại Văn phòng Thừa phát lại thành phố Vinh. Ông C, bà N thống nhất thỏa thuận giao cho ông C được sở hữu, sử dụng, định đoạt ngôi nhà hai tầng tương đương 2/3 trị giá tài sản với số tiền 251.034.000 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Bà N được hưởng 1/3 trị giá tài sản tương đương với số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng) do ông C trích chia cho bà N. Căn cứ vào Vi bằng các bên đã lập, xét sự thỏa thuận trên là phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.4]. Đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 246, tờ bản đồ số 24, diện tích 129,4m² tại khối V (nay là khối L), phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX417946 ngày 10/9/2015 mang tên ông Hồ Viết C. Đây là tài sản riêng của ông C. Ông C, bà N đều không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.5]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu ông C phải trả lại cho bà số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) bà đã đóng góp đưa cho ông C xây nhà. Tại phiên tòa hôm nay bà N xin rút yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của bà N. Bà N không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2.6]. Về án phí: Ông Hồ Viết C phải chịu án phí LHST, án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, xét ông Hồ Viết C, sinh năm 1961, trên 60 tuổi (là người cao tuổi), thuộc trường hợp được miễn án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí nên miễn án phí cho ông Hồ Viết C.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí về chia tài sản chung của vợ chồng đối với phần tài sản bà N được chia.

[2.7]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, 56, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ Hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Hồ Viết C và bà Nguyễn Thị N.

[2]. Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Hồ Thị M, sinh ngày 26/6/2013 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Ông Hồ Viết C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông C có quyền thăm nom con chung. Bà N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3]. Về tài sản chung: Giao cho ông Hồ Viết C được sở hữu, sử dụng, định đoạt ngôi nhà hai tầng tọa lạc trên thửa đất số 246, tờ bản đồ số 24 tại khối V (nay là khối L), phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có trị giá 376.551.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng) .

Ông Hồ Viết C có nghĩa vụ trích chia 1/3 trị giá tài sản ngôi nhà cho bà Nguyễn Thị N với số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị N được quyền nhận số tiền 125.517.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng) do ông C trích chia.

[4]. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Hồ Viết C phải trả lại cho bà số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) bà đã đóng góp đưa cho ông C xây nhà.

[5]. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung cho ông Hồ Viết C.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 6.275.850 đồng (Sáu triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi đồng) án phí về chia tài sản chung của vợ chồng.

[6]. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[7]. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

[8]. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND p. L, tp Vinh, Nghệ An
(Đăng ký kết hôn số 63 ngày 18/5/2011);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoa